UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6766/SKHCN-VP V/v thông báo danh mục các TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC của Sở Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; trong thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND thành phố Đà Nẵng đã thực hiện đơn giản hoá, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hệ thống và giới thiệu danh mục 55 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ đã được cắt giảm thời gian giải quyết; chi tiết tại Phụ lục đính kèm Công văn này.

Sở Khoa học và Công nghệ kính thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, VP. Trang

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thanh Hồng

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐƯỢC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

(*Đính kèm Công văn số / SKHCN-VP ngày /9/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ*)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (43 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
I		**LĨNH VỰC BƯU CHÍNH**			
1.	1.003659.H17	Cấp giấy phép bưu chính	20 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
2.	1.003687.H17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
3.	1.003633.H17	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
4.	1.004379.H17	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
5.	1.004470.H17	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
6.	1.005442.H17	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
7.	1.010902.H17	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
II		**LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET**			
1.	1.013819.H17	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng	45 ngày	16 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

linhttn2 - 13/9/2026 16:07:53 - linhttn2 - linhttn2

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
		mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
2.	1.013877.H17	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	45 ngày	16 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
3.	1.013912.H17	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
4.	1.013897.H17	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
5.	1.013899.H17	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
6.	1.013901.H17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
7.	1.013902.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND

linhttn2 - 31/03/2026 16:07:53 - linhttn2 - linhttn2 - linhttn2

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
	H17	thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			ngày 03/6/2026
8.	1.013903. H17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
9.	1.013904. H17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
10.	1.013905. H17	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
11.	1.013906. H17	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
		mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			
12.	1.013907.H17	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
13.	1.013976.H17	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15 ngày	10 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
14.	1.013908.H17	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	10 ngày	08 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
15.	1.013909.H17	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày	08 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
16.	1.013910.H17	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
17.	1.013911.H17	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
III		**LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**			
1.	2.002778.H17	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	07 ngày	05 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
2.	2.002775.H17	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	07 ngày	03 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
3.	2.002784.H17	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	07 ngày	05 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
4.	2.002785.H17	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	07 ngày	03 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
5.	2.002788.H17	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	22 ngày	09 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
6.	2.002789.H17	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	07 ngày	05 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
7.	2.002780.H17	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	07 ngày	03 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
8.	2.002790.H17	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	22 ngày	09 ngày làm việc	2780/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
IV		**LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**			
1.	1.013916.H17	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
2.	1.013919.H17	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
3.	1.013924.H17	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
4.	1.013925.H17	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	14 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
5.	1.013928.H17	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
6.	1.013942.H17	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
7.	1.013954.H17	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày	16 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
8.	1.013955.H17	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	15 ngày	13 ngày làm việc	1714/QĐ-UBND ngày 18/4/2026
V		**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**			
1.	1.014383.H17	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	25 ngày	12 ngày làm việc	2480/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
2.	1.014389.H17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc	08 ngày làm việc	2301/QĐ-UBND ngày 25/5/2026
3.	1.014390.H17	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	2301/QĐ-UBND ngày 25/5/2026

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ (12 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
I	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ**				
1.	1.013287 (TTHC đặc thù)	Thủ tục hỗ trợ chi phí thuê nhân lực tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
2.	1.013289 (TTHC đặc thù)	Thủ tục hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thông tin, tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	- Thẩm quyền HĐND thành phố: 30 ngày làm việc - Thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ: 20 ngày làm việc	- Thẩm quyền của UBND thành phố: 28 ngày làm việc - Thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ: 14 ngày làm việc.	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
3.	1.013290 (TTHC đặc thù)	Xác nhận là doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
II	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**				
1	1.010141 (TTHC đặc thù)	Hỗ trợ kinh phí tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
2	1.012870 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ	60 ngày làm việc	42 ngày	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
3	1.013298 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng	60 ngày làm việc	60 ngày	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026

linhtth2 - 15/10/2026 16:07:53 - linhtth2 - linhtth2

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Quyết định công bố của Chủ tịch UBND thành phố
			Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	
		tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước			
4	1.013299 (TTHC đặc thù)	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
5	1.013300 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau	60 ngày làm việc	42 ngày	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
6	1.013301 (TTHC đặc thù)	Thủ tục xác nhận hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
7	1.013302 (TTHC đặc thù)	Thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới	89 ngày làm việc	69 ngày	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
8	1.013303 (TTHC đặc thù)	Thủ tục gia hạn thời gian thử nghiệm, thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi thử nghiệm	33 ngày làm việc	18 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
9	1.013304 (TTHC đặc thù)	Thủ tục hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	2618/QĐ-UBND ngày 15/6/2026

linhttn2 - 13/10/2026 16:07:53 - linhttn2 - linhttn2 - linhttn2